

**ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG, ĐẶC ĐIỂM NỘI SOI  
Ở CÁC BỆNH NHÂN CÓ BỆNH LÝ ĐẠI TRÀNG  
ĐẾN KHÁM TẠI BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ**

*Huỳnh Hiếu Tâm\*, Thái Thị Hồng Nhung, Lương Thị Thúy Loan, Trần Y Đức*

*Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ*

*\*Email: hhtam@ctump.edu.vn*

**TÓM TẮT**

**Đặt vấn đề:** Có nhiều bệnh lý đại tràng được phát hiện nhờ vào phương tiện nội soi đại tràng như polyp đại tràng, viêm loét đại tràng, đặc biệt là ung thư đại trực tràng. Hàng năm, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ có nhiều bệnh nhân đến khám, điều trị và nội soi đại tràng. Vì vậy, chúng tôi muốn xây dựng mô hình bệnh tật các bệnh lý đại tràng ở các bệnh nhân đến khám và nội soi đại tràng tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. **Mục tiêu nghiên cứu:** Mô tả đặc điểm lâm sàng, tỷ lệ các bệnh lý đại tràng và mối liên quan giữa lâm sàng và hình ảnh nội soi ở các bệnh nhân đến khám tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả tiến cứu, cắt ngang trên 1183 bệnh nhân nội soi đại tràng tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ trong năm 2021. **Kết quả:** Trong 1183 bệnh nhân, có 31,9% bệnh nhân có kết quả nội soi đại tràng bình thường. Các tổn thương đại tràng thường gặp bao gồm 30,9% polyp, 11,7% viêm loét đại tràng, 7,9% u đại tràng và 4,2% túi thừa. Nhóm tuổi có mối liên quan với polyp đại tràng, viêm loét đại tràng, và u đại tràng. Triệu chứng đau bụng có liên quan với u đại tràng; có mối liên quan giữa rối loạn thói quen đi tiêu, rối loạn tính chất phân và các bệnh lý viêm loét đại tràng, u đại tràng. **Kết luận:** Nội soi đại tràng rất cần thiết ở các bệnh nhân  $\geq 40$  tuổi, có đau bụng rối loạn thói quen đi tiêu và rối loạn tính chất phân để phát hiện sớm các bệnh lý đại tràng.

**Từ khóa:** Các bệnh lý đại tràng, nội soi đại tràng.

**ABSTRACT**

**THE CLINICAL AND ENDOSCOPIC CHARACTERISTICS OF  
THE PATIENTS WITH COLORECTAL DISEASES CONFIRMED AT  
CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY HOSPITAL**

*Huynh Hieu Tam\*, Thai Thi Hong Nhung, Luong Thi Thuy Loan, Tran Y Duc*

*Can Tho University of Medicine and Pharmacy Hospital*

**Background:** Several colonic diseases, including colon polyps, ulcerative colitis, and colorectal cancer, are detected by colonoscopy. Every year, many patients come to the Can Tho University of Medicine and Pharmacy Hospital for examination, treatment and colonoscopy. Therefore, we want to build a colonic disease pattern for patients who underwent colonoscopy at the Can Tho University of Medicine and Pharmacy Hospital. **Objectives:** To describe the clinical characteristics, the prevalence of colonic pathologies, and the relationship between clinical symptoms and endoscopic findings in patients who underwent colonoscopy at the Can Tho University of Medicine and Pharmacy Hospital. **Materials and methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 1183 patients who underwent colonoscopy at Can Tho University of Medicine and Pharmacy Hospital in 2021. **Results:** Of the 1183 patients who underwent colonoscopy, 31.9% had normal colonoscopic results. The common colonoscopic findings were polyps (30.9%), ulcerative colitis (11.7%), colon cancers (7.9%) and diverticula (4.2%). The age group was related to colon polyps, ulcerative colitis, and colon cancer. The abdominal pain symptom was associated with colon cancer. Changes in bowel habits and stool disorders were linked to ulcerative colitis and colon

*cancers. Conclusion: Colonoscopy is necessary for patients  $\geq 40$  years old with abdominal pain and stool disorders to detect colonic diseases early.*

*Keywords: Colon diseases, colonoscopy.*

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh lý đại tràng ngày càng được phát hiện nhiều nhờ vào phương tiện nội soi đại tràng, một số trường hợp có thể phát hiện ở những người bình thường khi khám kiểm tra sức khỏe tổng quát như polyp đại, trực tràng. Mô hình bệnh tật về các bệnh lý đại tràng có thể khác nhau trên thế giới và trong nước tùy theo nghiên cứu. Một nghiên cứu năm 2014 tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ với qui mô nhỏ, bước đầu cho thấy những tổn thương qua nội soi đại tràng như polyp 19,6%, viêm loét đại trực tràng 15,6%, u đại tràng 4% [5]. Trải qua 6 năm, các bệnh lý đại tràng có thể thay đổi. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, đặc điểm nội soi ở các bệnh nhân có bệnh lý đại tràng đến khám tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2021 với qui mô, số lượng bệnh nhân lớn hơn. Mục tiêu nghiên cứu:

- + Mô tả đặc điểm lâm sàng của bệnh nhân có bệnh lý đại tràng.
- + Xác định tỷ lệ các bệnh lý đại tràng và mối liên quan giữa lâm sàng và các tổn thương đại tràng qua nội soi.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Gồm 1183 bệnh nhân có chỉ định nội soi đại tràng tại Bệnh Viện Trường Đại học Y dược Cần Thơ. Thời gian từ tháng 1 năm 2021 đến tháng 1 năm 2022. Trong đó, tiêu chuẩn loại trừ là những bệnh nhân tái khám nội soi đại tràng lần hai trong thời gian nghiên cứu.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Mô tả tiến cứu, cắt ngang.
- **Nội dung nghiên cứu**
  - + Khảo sát các dấu hiệu lâm sàng: Các triệu chứng đau bụng kiểu đại tràng, rối loạn vận chuyển phân, rối loạn tính chất phân.
  - + Tỷ lệ các bệnh lý đại tràng được xác định qua hình ảnh tổn thương trên nội soi đại tràng như polyp, viêm, loét, u, túi thừa đại tràng.
  - + Mối liên quan giữa các triệu chứng lâm sàng và các tổn thương đại tràng qua nội soi.
- **Phương tiện nghiên cứu:** Máy nội soi đại tràng Olympus CF-Q150L.
- **Xử lý số liệu:** Sử dụng phần mềm SPSS phiên bản 20.0, xác định tỷ lệ phần trăm các biến số, mối liên quan của các biến số định tính bằng phương pháp thống kê Chi-square với  $p < 0,05$ .

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 3.1. Đặc điểm chung của bệnh nhân

- Tuổi trung bình:  $52,06 \pm 14,49$ . Tuổi nhỏ nhất 16, tuổi lớn nhất 94.
- Nhóm tuổi: 288 (19,3%) bệnh nhân  $< 40$  tuổi, 955 (80,7%) bệnh nhân  $\geq 40$  tuổi.
- Giới tính: 570 (48,2%) nam và 613 (51,8%), tỷ số nam/nữ 1/1,08.
- Nội soi đại tràng gây mê toàn thân có 987 bệnh nhân chiếm tỷ lệ 83,4%.

**3.2. Đặc điểm lâm sàng**

**- Lý do chính của bệnh nhân nội soi đại tràng**

- + Đau bụng: chiếm đa số 412 bệnh nhân (34,8%)
- + Kiểm tra sức khỏe: 275 bệnh nhân (23,2%)
- + Tiêu máu: 197 bệnh nhân (16,7%)
- + Tiêu chảy: 141 bệnh nhân (11,9%)
- + Táo bón: 141 bệnh nhân (11,9%)
- + Sụt cân: 17 bệnh nhân (1,4%)

**- Vị trí đau bụng**

- + Đau vùng bụng trái: 234 (19,7%)
- + Đau vùng bụng phải: 74 (6,2%)

**- Rối loạn đại tiện**

Bảng 1. Rối loạn đại tiện

Các tổn thương		n	p (%)
Rối loạn tính chất phân	Không rối loạn	925	78,2
	Tiêu đàm	22	1,9
	Tiêu máu	213	18
	Tiêu đàm, máu	23	1,9
	Tổng	1183	100
Rối loạn vận chuyển phân	Không rối loạn	583	49,3
	Táo bón	301	25,4
	Tiêu chảy	226	19,1
	Táo bón và tiêu chảy	73	6,2
	Tổng	1183	100

Nhận xét: Nhóm triệu chứng rối loạn tính chất phân, tiêu máu chiếm tỷ lệ cao nhất 18%. Nhóm triệu chứng rối loạn vận chuyển phân, táo bón chiếm tỷ lệ cao nhất 25,4%.

**3.3. Tổn thương đại tràng xác định qua nội soi**

Bảng 2. Tổn thương đại tràng qua nội soi

Các tổn thương	n	p (%)
Bình thường	377	31,9
Polyp	366	30,9
Viêm, loét	139	11,7
U	94	7,9
Trĩ nội	158	13,4
Túi thừa	49	4,2
Tổng	722	100

Nhận xét: tổn thương đại tràng, polyp chiếm tỷ lệ cao nhất 30,9%, đặc biệt có 7,9% trường hợp là u đại tràng.

**Giải phẫu bệnh của polyp đại tràng, u đại tràng**

- 336 bệnh nhân polyp đại tràng, chúng tôi thu thập được 330 mẫu giải phẫu bệnh, kết quả polyp tăng sản 214 (64,2%), đặc biệt có 5 (1,5%) là ung thư tế bào tuyến (carcinoma).

- 94 bệnh nhân u đại tràng, chúng tôi thu thập được 81 mẫu giải phẫu bệnh, kết quả đa số là ung thư tế bào tuyến 66 (81,5%), bên cạnh đó có 12 (14,8%) kết quả chưa rõ ràng.

**Mối liên quan giữa lâm sàng và các bệnh lý đại tràng**

**TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ SỐ 55/2022- SỐ CHUYÊN ĐỀ HỘI NGHỊ QUỐC TẾ**

**Bảng 3. Mỗi liên quan giữa nhóm tuổi và polyp đại tràng, u đại tràng**

		Polyp đại tràng n (%)		OR	p
		Không	Có		
Nhóm tuổi	≥40	634 (66,4)	321 (33,6)	2,059 (1,447-2,930)	0,000
	<40	183 (80,3)	45 (19,7)		
Tổng n(%)		817 (69,1)	366 (30,9)		
		U đại tràng n (%)		OR	p
		Không	Có		
Nhóm tuổi	≥40	869 (91)	86 (9)	2,722 (1,299-5,701)	0,006
	<40	220 (96,5)	08 (3,5)		
Tổng n (%)		1089 (92,1)	94 (7,9)		

Nhận xét: Nhóm tuổi ≥40 tuổi có tỷ lệ mắc polyp và u đại tràng cao 33,6% và 9%, có ý nghĩa thống kê.

**Bảng 4. Mỗi liên quan giữa đau bụng và polyp đại tràng, viêm loét đại tràng, u đại tràng**

		Polyp đại tràng n (%)		OR	p
		Không	Có		
Đau bụng	Không	533 (61,9)	238 (30,9)	1,009 (0,779-1,307)	0,944
	Có	284 (68,9)	128 (31,1)		
Tổng n (%)		817 (69,1)	366 (30,9)		
		Viêm loét đại tràng n (%)		OR	p
		Không	Có		
Đau bụng	Không	681 (88,3)	90 (11,7)	1,021 (0,705-1,480)	0,911
	Có	363 (88,1)	49 (11,8)		
Tổng n (%)		1044 (88,3)	139 (11,7)		
		U đại tràng n (%)		OR	p
		Không	Có		
Đau bụng	Không	700 (90,8)	71 (9,2)	0,583 (0,358-0,948)	0,028
	Có	398 (94,4)	23 (5,6)		
Tổng n(%)		1089 (92,1))	94 (7,9)		

Nhận xét: triệu chứng đau bụng có mỗi liên quan với nhóm bệnh u đại tràng có ý nghĩa thống kê với p<0,05.

**Bảng 5. Mỗi liên quan giữa rối loạn đại tiện và polyp đại tràng, viêm loét đại tràng, u đại tràng**

		Polyp đại tràng n (%)		OR	p
		Không	Có		
Rối loạn vận chuyển phân	Không	410 (70,3)	173 (29,7)	1,124 (0,878-1,438)	0,354
	Có	407 (67,8)	193 (23,2)		
Tổng n(%)		817 (69,1)	366 (30,9)		
		Viêm loét đại tràng n(%)		OR	p
		Không	Có		
Rối loạn vận chuyển phân	Không	528 (90,6)	55 (9,4)	1,563 (1,089-2.242)	0,015
	Có	516 (86)	84 (14)		
Tổng n(%)		1044 (88,3)	139 (11,7)		
		U đại tràng n(%)		OR	p
		Không	Có		
Rối loạn vận chuyển phân	Không	569 (97,6)	314 (2,4)	6,253 (3,5-11,69)	0,000
	Có	520 (86,7)	80 (13,3)		
Tổng n(%)		1089 (92,1)	94 (7,9)		

Nhận xét: rối loạn đại tiện có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với tổn thương viêm loét đại tràng và u đại tràng với  $p < 0,05$ .

Bảng 6. Mối liên quan giữa rối loạn tính chất phân và polyp đại tràng, viêm loét đại tràng, u đại tràng

		Polyp đại tràng n (%)		OR	p
		Không	Có		
Rối loạn tính chất phân	Không	633 (68,4)	292 (31,6)	0,872 (0,644-1,181)	0,501
	Có	184 (71,3)	74 (28,7)		
Tổng n (%)		817 (69,1)	366 (30,9)		
		Viêm loét đại tràng n(%)		OR	p
		Không	Có		
Rối loạn tính chất phân	Không	831 (89,9)	94 (10,2)	1,868 (1,27-2,747)	0,001
	Có	213 (82,6)	45 (17,4)		
Tổng n (%)		1044 (88,3)	139 (11,7)		
		U đại tràng n(%)		OR	p
		Không	Có		
Rối loạn tính chất phân	Không	884 (95,6)	41(4,4)	5,574 (3,608-8,612)	0,000
	Có	205 (79,5)	53 (20,5)		
Tổng n (%)		1089 (92,1)	94 (7,9)		

Nhận xét: rối loạn đại tiện có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với tổn thương viêm loét đại tràng và u đại tràng với  $p < 0,05$ .

## IV. BÀN LUẬN

### 4.1. Đặc điểm chung

Trong nghiên cứu của chúng tôi, tuổi trung bình  $52,06 \pm 14,49$ , nhóm tuổi  $\geq 40$  có tỷ lệ cao 80,7% và tỷ lệ giới tính gần tương đương nhau. Kết quả này cho thấy bệnh lý đại tràng thường gặp ở những người lớn tuổi, xu hướng ngày càng tăng ở những người cao tuổi đặc biệt là ung thư đại trực tràng, kể cả nam và nữ đều có tỷ lệ gần tương đương. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu trong và ngoài nước như nghiên cứu của Hoàng Đăng Mịch (2010), Lê Văn Thiệu (2011), Sung H (2021) [3], [6], [9]. Mặt khác, nghiên cứu của chúng tôi có một tỷ lệ cao bệnh nhân nội soi đại tràng gây mê toàn thân 83,4%, cao hơn thời điểm nghiên cứu năm 2014 chỉ có 66,5% [5] cho thấy phương pháp nội soi gây mê toàn thân ngày càng được lựa chọn và cũng là thể mạnh ở bệnh viện trường đại học của chúng tôi.

### 4.2. Đặc điểm lâm sàng

Lý do đi khám và nội soi đại tràng trong nghiên cứu của chúng tôi là triệu chứng đau bụng có tỷ lệ cao nhất 34,8%, trong đó vị trí đau bụng nhiều nhất là hố chậu trái. Mặt khác, biểu hiện rối loạn đại tiện cũng có tỷ lệ đáng ghi nhận như rối loạn vận chuyển phân 23,8%, tiêu máu 16,7%. Các biểu hiện lâm sàng làm cho người bệnh đi khám và nội soi đại tràng cũng là những triệu chứng chính của bệnh lý đại tràng, phù hợp với nhiều nghiên cứu [3], [6]. Trong nghiên cứu của chúng tôi, 23,2% trường hợp nội soi với lý do kiểm tra sức khỏe, điều này cần khuyến khích đối với những người trên 40 hay 50 tuổi tùy theo nghiên cứu, là nhóm tuổi có nguy cơ bệnh lý đại tràng mặc dù không có biểu hiện triệu chứng lâm sàng như polyp đại trực tràng, ung thư đại trực tràng giai đoạn sớm ở niêm mạc có thể điều trị khỏi qua nội soi, không phải phẫu thuật [1], [4], [7].

Triệu chứng đau bụng có thể biểu hiện ở mọi vị trí, đau bụng vùng bụng trái có tỷ lệ cao 19,7% trên tổng số 1183 bệnh nhân, là vị trí hay có tổn thương các bệnh lý đại tràng như polyp, u đại tràng cần phải quan tâm [4], [5].

Triệu chứng tiêu ra máu là biểu hiện quan trọng của tổn thương thực thể đại tràng như viêm loét đại trực tràng, đặc biệt là ung thư đại trực tràng [2], [3], [4]. Rối loạn vận chuyển phân như táo bón và tiêu chảy là những biểu hiện lâm sàng chính của bệnh lý đại tràng nhưng có thể gặp trong bệnh lý đại tràng chức năng (hội chứng ruột kích thích) và bệnh lý đại tràng thực thể như viêm, polyp, u đại tràng [3], [5], [6].

### 4.3. Tổn thương đại tràng xác định qua nội soi

Kết quả nội soi đại tràng 1183 bệnh nhân, nội soi có kết quả bình thường là 31,9%, có tổn thương 68,1% gần tương đồng với nghiên cứu của chúng tôi cách đây 6 năm [5]. Tuy nhiên, tỷ lệ phát hiện polyp đại trực tràng cao hơn 30,9% so với 19,6%, điều này cho thấy mô hình bệnh tật có thay đổi theo thời gian và vấn đề tầm soát polyp đại tràng ngay cả những người lớn tuổi không triệu chứng cũng rất quan trọng, đáng chú ý trong nghiên cứu lần này có 1,5% polyp đại tràng có kết quả giải phẫu bệnh là ung thư tế bào tuyến (carcinoma) tương tự với kết quả nghiên cứu của Aghdaei H.A và cộng sự năm 2017 [7]. Trái lại, viêm loét đại trực tràng có tỷ lệ thấp hơn 11,7% so với 19,9%, bệnh lý này thường xảy ra ở người trẻ tuổi [8], trong khi đó nhóm tuổi trung bình ở nghiên cứu lần này 52,06 cao hơn so với nghiên cứu của chúng tôi năm 2014 là 48,53 tuổi. Tỷ lệ u đại tràng cao hơn nghiên cứu của chúng tôi cách đây 6 năm 9,7% so với 4% [5] và cao hơn thống kê của hiệp hội ung thư thế giới năm 2020, ung thư đại trực tràng phát hiện mới hàng năm khoảng 1-4% [9], sự khác nhau này có thể do khác nhau về thiết kế nghiên cứu, về nhóm tuổi nghiên cứu. Nghiên cứu của chúng tôi, kết quả giải phẫu bệnh các trường hợp u đại tràng có 14,8% trường hợp kết quả chưa rõ ràng thường là tế bào viêm mạn tính có thể do mẫu sinh thiết nhỏ, bám sai vị trí những trường hợp này cần theo dõi và bám sinh thiết lần hai hoặc đối chiếu sau phẫu thuật. Nhìn chung, tổn thương đại tràng trong hầu hết các nghiên cứu đề cập đến là polyp đại trực tràng, viêm loét đại trực tràng và u đại tràng.

Xét về mối liên quan giữa lâm sàng và các bệnh lý đại tràng xác định qua nội soi: nhóm polyp đại tràng có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$  với nhóm tuổi  $< 40$  và  $\geq 40$ , nhưng không có mối liên hệ với các triệu chứng lâm sàng như đau bụng, rối loạn vận chuyển phân, rối loạn tính chất phân, điều này phù hợp với bệnh lý này bởi vì polyp có thể xuất hiện nhiều ở nhóm tuổi  $\geq 40$ , có thể phát hiện ở người bình thường, không triệu chứng [1], [3].

Nhóm bệnh viêm, loét đại tràng trong nghiên cứu của chúng tôi chiếm tỷ lệ 11,7% trên tổng số 1183 bệnh nhân, có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$  với các biểu hiện lâm sàng như rối loạn vận chuyển phân, rối loạn tính chất phân vì đây là các triệu chứng thường gặp trong bệnh lý này [2], [5].

Nghiên cứu của chúng tôi, u đại tràng chiếm tỷ lệ cao 7,9% trong 1183 bệnh nhân được nội soi, xét về mối liên quan bệnh lý này có mối liên quan với nhóm tuổi  $\geq 40$ , với các triệu chứng lâm sàng đau bụng, rối loạn vận chuyển phân và rối loạn tính chất phân, mặc dù các trường hợp u đại tràng có thể không triệu chứng, có tỷ lệ cao ở người lớn tuổi, tuy nhiên hầu hết các nghiên cứu đều đồng thuận nên nội soi tầm soát ung thư đại trực tràng ở người  $\geq 40$ - 50 tuổi và có rối loạn đại tiện, đặc biệt là tiêu phân máu đại thể hay tiêu máu vi thể [4], [6], [9].

## **V. KẾT LUẬN**

Khảo sát 1183 bệnh nhân nội soi đại tràng, chúng tôi rút ra một số kết luận sau: Các triệu chứng lâm sàng chủ yếu là đau bụng 34,8%, rối loạn đại tiện 23,8% và tiêu máu 16,7%. Tỷ lệ các bệnh lý đại tràng xác định qua nội soi: polyp đại tràng 30,9%; viêm, loét đại tràng 11,7%; u đại tràng 7,9%. Polyp đại tràng có mối liên quan với nhóm tuổi  $\geq 40$ . Viêm, loét đại tràng có mối liên quan với triệu chứng rối loạn vận chuyển phân, rối loạn tính chất phân. U đại tràng có mối liên quan với nhóm người  $\geq 40$ , triệu chứng đau bụng và rối loạn vận chuyển phân, rối loạn tính chất phân.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Phạm Văn Đức, Phạm Quang Phú (2017), “Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, hình ảnh nội soi, mô bệnh học polyp đại trực tràng”, *Tạp chí Y học thực hành*, 1031, tr.74-76.
2. Vũ Văn Khiên, Khúc Đình Minh (2007), “Hiệu quả điều trị 40 trường hợp viêm loét đại trực tràng tại bệnh viện trung ương quân đội 108”, *Tạp chí y dược lâm sàng*, 1 (2), tr.38-42.
3. Hoàng Đăng Mịch, Lê Văn Thiệu (2010), “Nhận xét một số bệnh thường gặp ở đại trực tràng qua 1402 trường hợp nội soi”, *Tạp chí Y học Việt Nam tháng 2*, tập 365 (1), tr.41-44.
4. Lê Quang Nghĩa, Nguyễn Thúy Oanh (2003), “Kết quả chẩn đoán 173 trường hợp ung thư qua nội soi đại tràng bằng ống mềm”, *Tạp chí Y học TPHCM*, tập 7(1), tr.148-154.
5. Huỳnh Hiếu Tâm, Nguyễn Lê Trang Vy (2014), “Đặc điểm lâm sàng và hình ảnh nội soi của bệnh lý đại tràng ở bệnh nhân đến khám tại bệnh viện trường Đại học Y dược Cần Thơ”, *Tạp chí Y học thực hành số 944*, tr.370-373.
6. Lê Văn Thiệu, Phạm Văn Nhiên (2011), “Nhận xét 4500 trường hợp nội soi đại tràng tại Bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng”, *Hội nghị khoa học Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp lần thứ 37*, tr.56-60.
7. Aghdaei H.A et al. (2017), "Polyp detection rate and pathological features in patients undergoing a comprehensive colonoscopy screening", *World journal of gastrointestinal pathophysiology*, 8(1), pp.3-10.
8. Hiroshi N, Motoi U, Shinichiro S (2021), “Evidence-based clinical practice guidelines for inflammatory bowel disease 2020”, *J Gastroenterol*, 56, pp.489-526.
9. Sung H et al. (2021), "Global cancer statistics 2020: GLOBOCAN estimates of incidence and mortality worldwide for 36 cancers in 185 countries", *CA: a cancer journal for clinicians*. 71(3), pp.209-249.

(Ngày nhận bài: 24/09/2022 – Ngày duyệt đăng: 05/12/2022)